

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hải Y; nơi ĐKTT: Phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Duy Đ; nơi cư trú: Phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y trình bày:

Chị và anh Phạm Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, đăng ký kết hôn ngày 14/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, tình cảm. Anh Đ mãi chơi không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 không còn quan hệ gì về kinh tế và tình cảm. Chị Y về sống cùng bố mẹ đẻ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Phạm Yên N, sinh ngày 16/12/2011 và Phạm Hoài A, sinh ngày 30/12/2013. Chị đề nghị được nuôi cả hai con và đã cung cấp tài liệu để chứng minh khả năng nuôi con là xác nhận mức thu nhập hàng tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh tại địa phương nơi chị Y và anh Đ sinh sống thể hiện: Anh Đ và chị Y đã sống ly thân được 03 năm, chị Y đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Đ vẫn sống cùng bố mẹ. Hằng ngày chị Y đưa hai con đi học gần nhà ông bà nội, buổi trưa các cháu ăn ở ông bà nội và chiều chị Y lại đón các con về. Việc chị Y xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy Đ của pháp luật và giao con cho người có khả năng nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh ý kiến gia đình hai bên thể hiện: Bố mẹ đẻ chị Y xác nhận vợ chồng chị Y và anh Đ mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm nay, chị Y đã về bố mẹ đẻ ở từ năm 2020. Có lần anh Đ sang bên đó gây mâu thuẫn và đánh chị Y, sự việc đã được hai bên gia đình nói chuyện với nhau. Bố mẹ đẻ chị Y xác Đ hai bên không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án cho chị Y được ly hôn anh Đ và giao hai con cho chị Y nuôi. Bố mẹ đẻ anh Đ xác nhận vợ chồng anh Đ, chị Y mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân được 03 năm. Gia đình cũng đã khuyên giải nhưng không có kết quả, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy Đ của pháp luật. Về con chung, bố mẹ anh Đ đề nghị giao hai cháu Phạm Y Ngọc, sinh ngày 16/12/2011 và Phạm Hoài A, sinh ngày 30/12/2013 cho ông bà nội nuôi vì anh Đ thường xuyên phải đi làm vắng nhà, ông bà phải hỗ trợ việc chăm sóc các cháu. Trường hợp chị Y đảm nhiệm được việc nuôi hai cháu thì ông nội cũng đồng ý vì không muốn hai cháu bị tách nhau ra.

Tại phiên tòa:

Anh Đ vắng mặt không có lý do, chị Y giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ và nhận nuôi hai con như nội dung nêu trên.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, xây dựng, lập hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Phạm Duy Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy Đ của pháp luật nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do thể hiện anh Đ không chấp hành đúng các quy Đ của pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn của chị Y và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Y được ly hôn với anh Đ; về con chung: Giao cháu Phạm Yến N, sinh ngày 16/12/2011 và Phạm Hoài A, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Y nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận Đ:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy Đ tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Duy Đ có nơi cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy Đ tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đ đều vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đ.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Trần Thị Hải Y và anh Phạm Duy Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy Đ tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chị Y và anh Đ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ mãi chơi, không quan tâm đến vợ con và gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng anh chị không cải thiện được. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan hệ gì về kinh tế và tình cảm.

[5] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung:

[6] Chị Y và anh Đ có hai con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 16/12/2011 và Phạm Hoài A, sinh ngày 30/12/2013. Xét đề nghị của chị Y nhận nuôi cả hai

con: Quá trình giải quyết vụ án chị Y đã cung cấp các tài liệu chứng cứ là xác nhận mức thu nhập của chị là 15.000.000/tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng hai con nhỏ. Ngoài ra, từ năm 2020 chị đã tự chủ động trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, có sự hỗ trợ của ông bà nội trong việc đưa đón, chăm sóc các cháu vào buổi trưa. Anh Đ thường xuyên đi làm vắng nhà không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con nhỏ. Từ những căn cứ trên cho thấy chị Y đủ khả năng đảm nhiệm việc chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con. Vì vậy căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cả hai con chung là Phạm Yên N, sinh ngày 16/12/2011 và Phạm Hoài A, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Y nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[7] Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí:

[8] Chị Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y được ly hôn anh Phạm Duy Đ.

2. Về con chung: Giao cả hai con là Phạm Yên N, sinh ngày 16/12/2011 và Phạm Hoài A, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Trần Thị Hải Y nuôi đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy Đ của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hải Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hải Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006710 ngày 06/10/2022. Chị Trần Thị Hải Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Trần Thị Hải Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Duy Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạc Viên, Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 14/11/2010);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hậu

